

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC

1. Khối lượng kiến thức:

Kiến thức toàn khóa học: 121 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy. Trong đó:

Khối kiến thức và lập luận về ngành		Số tín chỉ	Tỷ lệ %
1.1	Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành	30	24,79
1.2	Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi	36	29,75
1.3	Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ	21	17,36
1.4	Kiến thức nền tảng rộng	22	18,18
1.4.1	Khoa học tự nhiên	5	4,13
1.4.2	Khoa học chính trị	11	9,09
1.4.3	Pháp luật	2	1,65
1.4.4	Tin học	4	3,31
1.5	Kiến thức ngành gần, khác ngành	4	3,31
1.6	Kiến thức đại cương khác	8	6,61
1.6.1	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	8	6,61
1.6.2	Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy		
1.6.3	Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy		
Tổng cộng:		121	100%

2. Khung chương trình

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP Trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Khóa luận - KL; Thực tập - TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/ TN	KL	TT		
1.1 Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành				30						
1.1.1	Các học phần bắt buộc			26						
1.1.1.1	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	Microeconomics	3	3					
1.1.1.2	ViMO0523H	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomics	3	3					
1.1.1.3	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	Statistics theory	2	2				TCC21122L	
1.1.1.4	LKTE1022H	Luật kinh tế	Economic law	2	2				PLĐC1022H	
1.1.1.5	MARC0522H	Marketing căn bản	Marketing Principles	2	2					
1.1.1.6	LLĐO1022H	Luật lao động	Labour Law	2	2				PLĐC1022H	
1.1.1.7	QTHO0522H	Quản trị học	Essentials of Management	2	2					
1.1.1.8	DSMT0222H	Dân số và môi trường	Population and environment	2	2					
1.1.1.9	NNLU0222H	Nguồn nhân lực	Human Resources	2	2				DSMT0222H	
1.1.1.10	TKLĐ1322H	Thống kê lao động	Labor Statistics	2	2				NLTK1322H	
1.1.1.11	TLLĐ0322H	Tâm lý học lao động	Labour psychology	2	2					
1.1.1.12	HVTC0222H	Hành vi tổ chức	Organizational Behavior	2	2				TLLĐ0322H	
1.1.2	Các học phần tự chọn (chọn 2/4)			4						
1.1.2.1	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	Accounting Principles 1	2	2					

1.1.2.2	KTLU1122H	Kinh tế lượng	Econometrics	2	2				ViMO0523H ViMO0523H TCC21122L XSTK1123L	
1.1.2.3	KTPT0522H	Kinh tế phát triển	Development economics	2	2					
1.1.2.4	EGNM0222H	Ecgonômi	Ergonomics	2	2					
1.2 Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi				36						
1.2.1	Các học phần bắt buộc			34						
1.2.1.1	TQQT0222L	Tổng quan quản trị nhân lực	Overview of Human Resources Management	2	2					
1.2.1.2	NLTL0222H	Nguyên lý tiền lương	Salary principles	2	2					
1.2.1.3	NLQH0222L	Nguyên lý quan hệ lao động	Principles of Industrial Relations	2	2					
1.2.1.4	TCLĐ0222H	Tổ chức lao động	Labor Organization	2	2					
1.2.1.5	ĐMLĐ0223H	Định mức lao động	Labour Norms	3	3				TCLĐ0222H	
1.2.1.6	HĐNL0223H	Hoạch định nhân lực	Human resource planning	3	3					
1.2.1.7	TCBM0222H	Tổ chức bộ máy và phân tích công việc	Organizational structure and Job analysis	2	2				TQQT0222L	
1.2.1.8	TCNL0223H	Tuyển dụng và sử dụng nhân lực	Recruitment and Staffing	3	3				TCBM0222H HĐNL0223H	
1.2.1.9	QTCV0223H	Quản lý thực hiện công việc	Performance Management	3	3				TCNL0223H	
1.2.1.10	QTLĐ0223H	Quản trị thù lao lao động	Compensation	3	3				NLTL0222H	

		trong doanh nghiệp	Management in enterprises							
1.2.1.11	ĐTNL0223H	Đào tạo và phát triển nhân lực	Training & Development	3	3					
1.2.1.12	BHLĐ0222H	An toàn, sức khỏe nghề nghiệp	Occupational Safe anh Health	2	2				TCLĐ0222H LLĐO10222H	
1.2.1.13	QHTC0222H	Quan hệ lao động trong tổ chức	Industrial relations in Organization	2	2				LLĐO10222H NLQH0222L	
1.2.1.14	TRLĐ0222H	Thị trường lao động	Labour Market	2	2				NNLU0222H ViMO0523H	
1.2.2.	Các học phần tự chọn (chọn 1/2)			2						
1.2.2.1	XHLĐ0322H	Xã hội học lao động	Labor sociology	2	2					
1.2.2.2	QTDN0522H	Quản trị doanh nghiệp	Business administration	2	2					
1.3 Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ				21						
1.3.1. Kiến thức bắt buộc				7						
1.3.1.1	QKVC0222H	Quản trị nhân lực trong khu vực công	Human resources management in the public sector	2	2					
1.3.1.2	LKVC0223H	Tiền lương trong khu vực công	Salary in the pubic sector	3	3				NLTL0222H	
1.3.1.3	THQT0222T	Thực hành quản trị nhân lực	Practical human resource management	2		2				
1.3.2. Kiến thức tự chọn (chọn 2/4)				4						
1.3.2.1	TNDN0222L	Trách nhiệm xã hội của	Corporate social	2	2					

		doanh nghiệp trong lao động	responsibility in labor							
1.3.2.2	ĐLLĐ0222H	Tạo động lực lao động	Work Motivation	2	2					
1.3.2.3	XDBL0222H	Xây dựng thang bảng lương	Planning of payroll scale	2	2				QTLĐ0223H	
1.3.2.4	TTLĐ0222H	Thanh tra lao động	Labour Inspection	2	2				QTLĐ0223H LLĐO1022H	
1.3.3	TTCK0224T	Thực tập cuối khóa	Final Internship	4				4	TCNL0223H QTLĐ0223H ĐTNL0223H	
1.3.4	Học phần thay thế hoặc Khóa luận tốt nghiệp (sinh viên viết Khoá luận hoặc học 2 học phần thay thế - chọn 2/3 HP)			6						
1.3.4.1	KLTN0226T	Khoá luận tốt nghiệp	Thesis	6			6		TTCK0224T	
	<i>Chọn 2/3 HP</i>									
1.3.4.2	QLQT0223H	Quản lý nguồn nhân lực quốc tế	International Human Resource Management	3	3				TTCK0224T	
1.3.4.3	TTNS0223H	Hệ thống thông tin nhân sự	Human Resource Information System	3	3				TTCK0224T	
1.3.4.4	CSNL0223H	Chính sách nguồn nhân lực	Human Resource Development Policy	3	3				TTCK0224T	
1.4 Kiến thức nền tảng rộng				22						
1.4.1 Khoa học tự nhiên				5						
1.4.1.1	TCC21122L	Toán cao cấp 2	Advanced Mathematics	2	2					

			2							
1.4.1.2	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Probability and Statistics	3	3					
1.4.2 Khoa học chính trị				11						
1.4.2.1	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	Marxist - Leninist philosophy	3	3					
1.4.2.2	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Marxist - Leninist political economy	2	2					
1.4.2.3	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	Ho Chi Minh Thought	2	2					
1.4.2.4	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	2	2					
1.4.2.5	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science socialism	2	2					
1.4.3 Pháp luật				2						
1.4.3.1	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	General law	2	2					
1.4.4 Tin học				4						
1.4.4.1	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	Basic informatics 1	2	2					
1.4.1.2	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	Basic informatics 2	2	2					
1.5 Kiến thức khác ngành				4						
1.5.1	Các học phần tự chọn nhóm 1 (chọn 1/4)			2						
1.5.1.1	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	Text Editor	2	2					
1.5.1.2	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Scientific research methodology	2	2					

1.5.1.3	LOGI0722L	Logic học	Logics	2	2					
1.5.1.4	TLDC0322L	Tâm lý học đại cương	General Psychology	2	2					
1.5.2	Các học phần tự chọn nhóm 2 (chọn 1/2)			2						
1.5.2.1	QLNN0222L	Quản lý nhà nước về lao động	State Management of Labour	2	2				TRLĐ0222H	
1.5.2.2	NVBH0422H	Nghệp vụ bảo hiểm xã hội	Short - term social insurance	2	2					
1.6 Kiến thức đại cương khác				8						
1.6.1 Ngoại ngữ				8						
1.6.1.1	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	Basic English 1	2	2					
1.6.1.2	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	Basic English 2	3	3				TAC10622H	
1.6.1.3	TAQT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị nhân lực	English for Human Resource Management	3	3				TAC20623H	
1.6.2	Giáo dục thể chất (3 TC)									
1.6.2.1	Các học phần bắt buộc			1						
	TDĐK1421T	Thể dục - Điền kinh	Gymnastics and Athletics	1	1					
1.6.2.2	Các học phần tự chọn (2/6 học phần)			2						
	BOC11421T	Bóng chuyền 1	Volley ball 1	1	1					
	BOC21421T	Bóng chuyền 2	Volley ball 2	1	1					
	BOR11421T	Bóng rổ 1	Basketball 1	1	1					
	BOR21421T	Bóng rổ 2	Basketball 2	1	1					
	CAL11421T	Cầu lông 1	Badminton 1	1	1					
	CAL21421T	Cầu lông 2	Badminton 2	1	1					

1.6.2.2	Các học phần dành cho sinh viên hạn chế về sức khỏe									
	COV11421L	Cờ vua 1	Chess 1	1	1					
	COV21421L	Cờ vua 2	Chess 2	1	1					
	COV31421L	Cờ vua 3	Chess 3	1	1					
1.6.3	<i>Giáo dục quốc phòng và an ninh (165 tiết)</i>									
1.6.3.1	DLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	National defense and security guidelines of Vietnam communist party	3	3					
1.6.3.2	CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh	National defense and security	2	2					
1.6.3.3	QSUC1421L	Quân sự chung	General military	1	1					
1.6.3.4	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Infantry combat techniques and tactics	2	2					
Tổng cộng				121						

